

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Bộ tiêu chí chấm điểm công tác an toàn thực phẩm tại các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ: Y tế - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 29/3/2012 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 16/3/2016 của UBND thành phố Hà Nội về Tổ chức phong trào thi đua “An toàn thực phẩm” trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Hà Nội tại Tờ trình số 2760/TTr-SYT ngày 28/7/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí chấm điểm công tác an toàn thực phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí chấm điểm công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội: (1) Tiêu chí chấm điểm công tác An toàn thực phẩm quận, huyện, thị xã; (2) Tiêu chí chấm điểm công tác An toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn; (3) Tiêu chí chấm điểm công tác An toàn thực phẩm tại hộ sản xuất, cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Trưởng Ban Thi đua khen thưởng Thành phố; Giám đốc Sở: Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Bộ: YT, CT, NN&PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Đài PTTH HN, Báo HNM, KTĐT;
- Công Giao tiếp điện tử Thành phố;
- VPUB: PCVP: N.N.Kỳ, P.C.Công, T.V.Dũng;
Phòng: KGVX, KT, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

3037 (130)

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM
TẠI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5996 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2017
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Điểm chuẩn	Điểm đạt
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm		
I	Chỉ đạo, điều hành công tác quản lý an toàn thực phẩm			15	
1	Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, Kế hoạch phát động phong trào thi đua ATTP, kế hoạch triển khai theo yêu cầu của UBND thành phố, Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN & PTNT.	- Liệt kê số, ngày ban hành, trích yếu các văn bản (công văn hướng dẫn, chỉ đạo; kế hoạch triển khai) đã ban hành theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND thành phố, Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN & PTNT.	- Ban hành đầy đủ: 05 điểm; - Thiếu 01 văn bản: Trừ 0,5 điểm (trừ không quá 5 điểm)	5	
2	Hoạt động của Ban chỉ đạo ATTP	- Quyết định thành lập BCD ATTP quận/huyện/thị xã theo Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ (trong đó Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã là Trưởng BCD công tác ATTP)	- Đã thành lập BCD theo quy định: 0.5 điểm. Chưa thành lập không cho điểm.	0.5	
		- Có quy chế làm việc của BCD. Có phân công chức năng nhiệm vụ của từng thành viên của BCD.	- Có quy chế làm việc BCD và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên: 0.5 điểm. Chưa có: không cho điểm	0.5	
		- Duy trì thường xuyên chế độ họp BCD Q,H,TX tối thiểu 3 tháng/lần. Kết thúc họp có biên bản và chỉ đạo của Trưởng BCD (bằng văn bản) sau mỗi cuộc họp.	- Duy trì chế độ họp thường xuyên: 1 điểm, không thường xuyên không cho điểm	1	
3	Báo cáo định kỳ theo quy định	- Liệt kê số, ngày ban hành các báo cáo Công tác an toàn thực phẩm (báo cáo tháng, tháng cao điểm, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm).	- Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định: 05 điểm. - Thiếu 01 lần báo cáo: Trừ 0,5 điểm (trừ không quá 03 điểm).	3	

		- Các văn bản yêu cầu báo cáo đột xuất; Liệt kê các báo cáo đột xuất theo yêu cầu tại văn bản tương ứng.			
4	Triển khai công tác thực hiện thủ tục hành chính về ATTP theo phân cấp	Hồ sơ thực hiện các thủ tục hành chính, kết quả của thủ tục hành chính (Giấy chứng nhận, xác nhận, ...), Phương pháp: rút ngẫu nhiên 20 hồ sơ đã được giải quyết	Thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp		
			Thực hiện đúng theo phân cấp 20/20 cơ sở	3	
			Thực hiện chưa đúng theo phân cấp (≤ 5 cơ sở/20 cơ sở)	2	
			Thực hiện chưa đúng theo phân cấp (> 5 cơ sở/20 cơ sở) không cho điểm	0	
			Thời gian giải quyết thủ tục hành chính		
			20/20 hồ sơ được giải quyết trong thời gian quy định	2	
			01-04/20 hồ sơ được giải quyết quá thời gian quy định	1	
			05-09/20 hồ sơ được giải quyết quá thời gian quy định	0,5	
$\geq 10/20$ hồ sơ được giải quyết quá thời gian quy định không cho điểm	0				
II	Tuyên truyền, giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm và ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm		20		
5	Tổ chức lễ phát động/Hội nghị triển khai trong dịp cao điểm: lễ, tết, tháng hành động vì ATTP tại Q,H, TX	Kế hoạch triển khai và báo cáo kết quả	Tổ chức tại Q,H, TX và $> 80\%$ số X,P, TT	5	
			Tổ chức tại Q,H, TX và $50\% - 80\%$ số X,P, TT	3	
			Tổ chức tại Q,H, TX và $< 50\%$ số X,P, TT	2	
6	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP	- Danh sách các các bộ đã được đào tạo theo yêu cầu về chuyên môn; đào tạo tại thời điểm nào; đơn vị tổ chức	Đào tạo, tập huấn cho $90-100\%$ cán bộ làm công tác ATTP.	3	
			Đào tạo, tập huấn cho $70- < 90\%$ cán bộ làm công tác ATTP	2	
			Đào tạo, tập huấn cho $< 70\%$ cán bộ làm công tác ATTP	1	
7	Phổ biến, tuyên truyền pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh,	- Công văn, kế hoạch tổ chức lớp, tài liệu ấn phẩm phát hành để chứng minh cho các việc đã triển khai	- Có phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng (<i>Đảm bảo đầy đủ theo chỉ tiêu kế hoạch</i>)	3	
			- Có phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người	2	

	chế biến thực phẩm, người tiêu dùng.		tiêu dùng (Chưa đảm bảo đầy đủ theo chỉ tiêu kế hoạch) Không tổ chức không cho điểm		
8	Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền	- Thông kê các hình thức tuyên truyền Phát thanh, băng đĩa, Pano, áp phích, băng Zôn, khẩu hiệu, tờ rơi...	- Phát thanh 2-4 lần/tuần, treo Pano, áp phích, băng Zôn, khẩu hiệu, tờ rơi...: 02 điểm. Thiếu 1 nhóm trừ 0.5 điểm (điểm trừ không quá 02 điểm).	2	
		- Tự viết bài tuyên truyền về thực trạng ATTP tại địa phương. Nội dung tuyên truyền chính xác, kịp thời (01tháng/1 bài)	- Có viết bài tuyên truyền về thực trạng triển khai các hoạt động về ATTP tại địa phương (01tháng/1 bài): 02 điểm. Thiếu 1 bài trừ 0.5 điểm(điểm trừ không quá 02 điểm)	2	
		- Liệt kê số, ngày ban hành các văn bản (công văn, kế hoạch tổ chức lớp, tài liệu ấn phẩm phát hành...) Tổ chức truyền thông, giáo dục về ATTP cho các hội, đoàn thể, ban ngành, truyền thông cộng đồng ATTP cho người tiêu dùng...	- Có phối hợp tổ chức truyền thông, giáo dục về ATTP cho các hội, đoàn thể, ban ngành...: 02 điểm. Không tổ chức không cho điểm	2	
9	Công khai các cơ sở không thực hiện công tác Đảm bảo An toàn thực phẩm.	- Công khai trên bài viết/báo cáo về ATTP các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, căng tin, bếp ăn tập thể... không đảm bảo an toàn thực phẩm; không thực hiện: cấp GCN đủ điều kiện ATTP, ký cam kết bảo đảm ATTP, giấy xác nhận kiến thức ATTP và khám sức khỏe . (xem các văn bản liên quan).	- Có thực hiện công khai các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm.	3	
			- Không thực hiện công khai các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm không cho điểm.	0	
III	Công tác quản lý và cấp giấy chứng nhận ATTP			15	
10	Công tác nắm bắt, rà soát các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, căng	- Sổ/danh sách cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý (tên, địa chỉ, có/không có ĐKKD, loại hình sản xuất, kinh doanh, thuộc ngành nào quản lý...)	- Có sổ quản lý danh sách các cơ sở ATTP thuộc lĩnh vực quản lý (đầy đủ thông tin)	2	
			Kiểm tra thực tế ngẫu nhiên 10 cơ sở: - Nếu quản lý đầy đủ 100% cơ sở trên địa bàn	3	

	tin, bếp ăn tập thể....Do quận/huyện/thị xã quản lý.	- Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, căng tin, bếp ăn tập thể... thuộc phạm vi chức năng quản lý của quận/huyện/thị xã.	- Nếu Quản lý thiếu 1-2/10 cơ sở	2	
			- Nếu Quản lý thiếu 3-4/10 cơ sở	1	
			- Nếu Quản lý thiếu $\geq 5/10$ cơ sở không cho điểm	0	
11	Tỷ lệ % các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống... thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định	Cung cấp tài liệu chứng minh các số liệu sau: - Danh sách các cơ sở được cấp giấy chứng nhận/tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận.	- Cơ sở thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp GCN đạt 95-100% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	5	
			- Cơ sở thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp GCN đạt 85- <95% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	3	
			- Cơ sở thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp GCN đạt 70- <85% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	2	
			- Cơ sở thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp GCN đạt 50- < 70% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	1	
12	Tỷ lệ % ký cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống... theo quy định	Cung cấp tài liệu chứng minh các số liệu sau: - Tổng số cơ sở đã ký cam kết/tổng số cơ sở thuộc diện phải thực hiện thủ tục cam kết bảo đảm ATTP theo quy định	Cơ sở thuộc diện phải ký cam kết bảo đảm ATTP đã thực hiện ký cam kết đạt 100%	5	
			Cơ sở thuộc diện phải ký cam kết bảo đảm ATTP đã thực hiện ký cam kết đạt 80 - 99%	4	
			Cơ sở thuộc diện phải ký cam kết bảo đảm ATTP đã thực hiện ký cam kết đạt 50 - <80%	2	
			Cơ sở thuộc diện phải ký cam kết bảo đảm ATTP đã thực hiện ký cam kết đạt 40- < 50%	1	
13	Tỷ lệ % các chợ có bố trí địa điểm kinh doanh ATTP Tỷ lệ ký cam kết đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) đối với các xã, phường, thị trấn có sản xuất nông nghiệp	Cung cấp tài liệu chứng minh các số liệu sau: - Danh sách thống kê các cơ sở thuộc diện phải ký cam kết bảo đảm ATTP. - Danh sách các cơ sở đã ký cam kết bảo đảm ATTP. - Danh sách thống kê các cơ sở thuộc diện phải ký cam kết sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	Nếu 100% các cơ sở trong chợ, các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được ký cam kết và được kiểm tra tuân thủ việc ký cam kết.	3	Theo Thông tư 51/2014/TT - BNNPTNT
			Nếu có 70% - 99% các cơ sở trong chợ, các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được ký cam kết và được kiểm tra tuân thủ việc ký cam kết.	2	
			Nếu có 20% - 69% các cơ sở trong chợ, các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được ký cam kết và được kiểm tra tuân thủ việc ký cam kết.	1	

		<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cơ sở đã ký cam kết sản xuất ban đầu nhỏ lẻ - Kế hoạch kiểm tra việc tuân thủ các cam kết đã ký 	Nếu có < 20% c các cơ sở trong chợ, các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được ký cam kết và được kiểm tra tuân thủ việc ký cam kết. (Không triển khai không cho điểm)	0,5	
14	Công tác giải tỏa các tụ điểm chợ cóc hoạt động dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, tụ điểm giao thông, xung quanh các chợ đã được phân hạng, các tụ điểm đã được phản ánh trên các phương tiện thông tin, báo chí gây bức xúc dư luận	Cung cấp tài liệu chứng minh các số liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách chợ cóc, chợ tạm còn tồn tại trên địa bàn. - Số, ngày ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, phối hợp giải tỏa các tụ điểm chợ cóc. 	Nếu 100% chợ cóc, chợ tạm trên địa bàn được giải tỏa, không có chợ tái hoạt động	2	
			Nếu đạt 50% - 99% chợ cóc, chợ tạm trên địa bàn được giải tỏa, không tái hoạt động	1	
			Nếu < 50% chợ cóc, chợ tạm trên địa bàn được giải tỏa, không tái hoạt động (Không triển khai không cho điểm)	0,5	
IV	Công tác thanh kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm;			25	
15	Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm...	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ được phê duyệt; - Danh sách các cơ sở được kiểm tra, giám sát. - Biên bản kiểm tra, giám sát 	100% cơ sở được kiểm tra, giám sát trong năm ít nhất 1 lần trong năm và tái kiểm tra các cơ sở không đạt yêu cầu trên tổng số các cơ sở đã thống kê, lập danh sách. Thiếu 1 cơ sở chưa được kiểm tra hoặc tái kiểm tra trừ 0.5 điểm (điểm trừ không quá 5 điểm)	5	
			Tỷ lệ cơ sở kiểm tra giám sát đạt điều kiện ATTP		
			Tỷ lệ cơ sở kiểm tra giám sát đạt điều kiện ATTP 95-100% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	3	
			Tỷ lệ cơ sở kiểm tra giám sát đạt điều kiện ATTP 85- <95% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	2	
			Tỷ lệ cơ sở kiểm tra giám sát đạt điều kiện ATTP 70- <85% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao	1	
			Chuyển hồ sơ xem xét xử lý vi phạm		
			Có chuyển biên bản cho cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm cơ sở không đạt	2	
Không chuyển biên bản cho cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm cơ sở không đạt	0				
16	Thực hiện xét nghiệm an toàn thực phẩm trong sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra, giám sát được phê duyệt (số kế hoạch, ...) - Báo cáo kết quả, số liệu xét nghiệm. (thể hiện tại sổ sách, báo cáo). 	≥ 95% cơ sở kiểm tra, giám sát được xét nghiệm nhanh ATTP	5	
			90 - 94% cơ sở kiểm tra, giám sát được xét nghiệm nhanh ATTP	3	

			70 - <90% cơ sở kiểm tra, giám sát được xét nghiệm nhanh ATTP	2	
			50 < 70% cơ sở kiểm tra, giám sát được xét nghiệm nhanh ATTP	1	
			Có tổ chức lấy mẫu thực phẩm xét nghiệm Labo	2	
			Không tổ chức lấy mẫu gửi xét nghiệm Labo không cho điểm	0	
17	Xử lý vi phạm an toàn thực phẩm	Báo cáo kết quả thanh kiểm tra: Có vi phạm hay không; nếu có xử lý thế nào và các văn bản liên quan.	Số cơ sở vi phạm/số cơ sở thanh kiểm tra $\geq 30\%$	2	
			Số cơ sở vi phạm/số cơ sở thanh kiểm tra $< 30\%$	1	
			Không có cơ sở vi phạm không cho điểm	0	
			Xử phạt hành chính (phạt tiền) đối với Q/H/TX		
			Đối với Q/H/TX $\geq 20\%$ số cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/số cơ sở vi phạm.	2	
			Đối với Q/H/TX có 5 - < 20% số cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/số cơ sở vi phạm.	1	
			Đối với Q/H/TX có < 5% cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/ số cơ sở vi phạm không cho điểm	0	
			Xử phạt hành chính (phạt tiền) đối với X/P/TT		
			Đối với X/P/TT $\geq 5\%$ số cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/số cơ sở vi phạm.	2	
Đối với X/P/TT < 5% số cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/số cơ sở vi phạm.	1				
Đối với X/P/TT không có cơ sở bị xử phạt hành chính (phạt tiền)/số cơ sở vi phạm không cho điểm	0				
18	Xử lý, xác minh các vụ việc mất ATTP	Liệt kê các sự vụ trên địa bàn do thông tin đại chúng cung cấp, do yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc tự phát hiện Các văn bản chỉ đạo, phối hợp trong xử lý sự việc Các văn bản thông báo về kết quả điều tra, xác minh, truy xuất nguồn gốc...	Không có sự cố mất ATTP được 2 điểm	2	
			Thực hiện được 1 yêu cầu về điều tra, xác minh, truy xuất, kiểm chứng thông tin... được 0,5 điểm (nhưng tổng số không quá 2 điểm)		
V	Triển khai các mô hình điểm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm			10	
19	Thực hiện triển khai các mô hình điểm công tác An toàn	Kế hoạch xây dựng mô hình điểm tại địa phương triển khai.	Có kế hoạch triển khai mô hình điểm Công tác An toàn thực phẩm. Không có Kế hoạch không cho điểm	2	

	thực phẩm	Báo cáo và các văn bản liên quan. Tiến độ thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch.	Báo cáo kết quả đạt được theo chỉ tiêu kế hoạch. Không đạt không cho điểm	1	
			Báo cáo đầy đủ theo quy định (xem bản lưu)	1	
			Báo cáo không đầy đủ hoặc không báo cáo	0	
20	Quản lý ngộ độc thực phẩm	Có sổ sách theo dõi công tác Quản lý ngộ độc thực phẩm, ghi chép đầy đủ, rõ ràng	Có sổ theo dõi công tác QLNĐTP và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định khi có vụ NĐTP ≤ 30 người mắc. Xử lý vụ NĐTP chậm sau khi biết tin > 24h hoặc có vụ NĐTP ≥ 30 người mắc hoặc có tử vong do NĐTP không cho điểm	3	
				0	
21	Chuỗi nông lâm thủy sản, điểm kinh doanh được xác nhận sản phẩm an toàn được xây dựng, duy trì phát triển trên địa bàn hoặc phối hợp thực hiện.	Danh sách các chuỗi, các điểm đã được xác nhận sản phẩm an toàn đã triển khai hoặc phối hợp thực hiện (tên chuỗi, tên các tác nhân tham gia chuỗi, địa điểm triển khai, thời gian triển khai ...)	01 điểm nếu có ít nhất 01 chuỗi được xây dựng hoàn thiện hoặc 01 điểm kinh doanh được xác nhận sản phẩm an toàn ; có hơn 01 chuỗi hoặc 01 điểm kinh doanh được xác nhận sản phẩm an toàn được tính 03 điểm; không có chuỗi nào không được tính điểm.	3	
VI	Quản lý trang thiết bị và kinh phí công tác an toàn thực phẩm;			10	
22	Quản lý trang thiết bị, hóa chất cho hoạt động ATTP.	- Sổ sách các trang thiết bị cơ bản (máy tính, thiết bị lấy mẫu, vận chuyển mẫu, các test kiểm tra nhanh...) - Thực tế sử dụng trang thiết bị, hóa chất đúng mục đích.	Sổ sách ghi chép đầy đủ theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị	3	
			Sổ sách ghi chép không đầy đủ hoặc không ghi chép theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị không cho điểm	0	
			Sử dụng trang thiết bị, hóa chất đúng mục đích là công tác ATTP	3	
			Sử dụng trang thiết bị, hóa chất đúng cho mục đích khác không cho điểm	0	
23	Đầu tư kinh phí cho công tác ATTP	Có kế hoạch và dự toán cho ATTP	Địa phương có đầu tư kinh phí cho ATTP: 04 điểm Không đầu tư kinh phí không cho điểm	4	
VII	Công tác khen thưởng			5	
24	Khen thưởng cấp Thành phố	Có trình Thành phố khen thưởng và có Quyết định Khen thưởng	- Có từ 5 đến 10 tập thể, cá nhân được khen thưởng - Có từ 1 đến 4 tập thể, cá nhân được khen thưởng	3 2	
25	Khen thưởng cấp quận, huyện, thị xã.	Quyết định Khen thưởng	- Có từ 10 đến 20 tập thể, cá nhân được khen thưởng - Có từ 5 đến 10 tập thể, cá nhân được khen thưởng	2 1	
	Tổng cộng			100	

ĐIỂM THUỞNG (5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Có 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở về ATTP trở lên (đã được nghiệm thu).	+ 2	Xem đề cương, đề tài được nghiệm thu
2	Có tổ chức lấy mẫu xét nghiệm định lượng ≥ 10 mẫu/năm	+ 1	
3	Trên 80% số xã, phường, thị trấn có xử lý vi phạm hành chính (phạt tiền).	+ 2	

ĐIỂM TRỪ (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Có vụ NĐTP lớn (≥ 30 người mắc) hoặc tử vong do NĐTP	- 5	
2	Báo cáo, xử lý NĐTP chậm sau khi biết tin > 24h, không kịp thời và phối hợp không tốt	- 5	

*** Phân loại:**

- Loại xuất sắc 100 - ≥ 100 % điểm
- Loại A tốt: 90 - < 100 % điểm
- Loại B khá: 70- 89 % điểm
- Loại C trung bình: 50 - < 70 % điểm

* Xếp loại theo tổng số % điểm đạt : _____

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM
TẠI HỘ SẢN XUẤT, CƠ SỞ SẢN XUẤT CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5996 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí	Tài liệu chứng minh	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt
1	Chấp hành các quy định pháp luật chung			45	
1.1	Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã (chỉ chấm với doanh nghiệp có thời gian thực hiện liên tục từ 3 năm trở lên).	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh nộp ngân sách theo quy định, - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động đầy đủ. - Các văn bản về quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh tại đơn vị (phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường...) - Giấy tờ chứng minh chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh như quy trình, quy phạm trong sản xuất (GMP, SSOP...) và quy định trong kinh doanh. 	- Nộp ngân sách theo quy định đạt 15 điểm	15	
			- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động đầy đủ đạt 10 điểm (thiếu một loại trừ 3 điểm)	10	
			- Giấy tờ chứng minh chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh như quy trình, quy phạm trong sản xuất, kinh doanh (GMP, SSOP...) đạt 10 điểm	10	
			- Các văn bản quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh (phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường...) đạt 10 điểm	10	
1.2	Đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh (chỉ chấm với cơ sở có thời gian thực hiện liên tục từ 2 năm trở lên).	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh nộp ngân sách theo quy định (nếu có) - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động (nếu có) - Giấy tờ chứng minh chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh như quy trình, quy phạm trong sản xuất (GMP, SSOP...) và quy định trong kinh doanh. - Bản cam ký cam kết sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP 	- Nộp ngân sách theo quy định đạt 15 điểm	15	
			- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động (nếu có) đạt 5 điểm	5	
			- Giấy tờ chứng minh chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh như quy trình, quy phạm trong sản xuất, kinh doanh (GMP, SSOP...) đạt 15 điểm	15	
			- Cam ký cam kết sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP đạt 10 điểm.	10	
2	Thực hiện đầy đủ các điều kiện đảm bảo An toàn thực phẩm và duy trì các điều kiện đảm bảo ATTP			30	

			Điều kiện cơ sở vật chất	5	
			Điều kiện trang thiết bị	5	
	Theo các văn bản quy định điều kiện An toàn thực phẩm hiện hành thuộc lĩnh vực Y tế, Công thương và Nông nghiệp	Biên bản kiểm tra gần nhất của cơ quan quản lý	Điều kiện con người	5	
			Chất lượng sản phẩm	5	
			Điều kiện vận chuyển, bảo quản	5	
			Bao gói nhãn mác	5	
3	Giám sát chất lượng sản phẩm	Kết quả phân tích mẫu gần nhất, thông báo kết quả phân tích mẫu của cơ quan quản lý...	Các mẫu đều đảm bảo chất lượng được 10 điểm Một mẫu vi phạm quy chuẩn, quy định về ATTP trừ 3 điểm (không trừ quá 10 điểm) Không thực hiện xét nghiệm mẫu không được điểm	10	
4	Áp dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại; Các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến	Có chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn	HACCP hoặc ISO 2000 hoặc tương đương...	5	
5	Điểm thưởng			10	
5.1	Đóng góp các quỹ xã hội từ thiện, nhân đạo		Mức đóng góp các quỹ xã hội, ủng hộ từ thiện: - Từ 1% đến 2% lợi nhuận sau thuế: đạt 3 điểm - Từ 2% lợi nhuận sau thuế trở lên được 2 điểm	5	
5.2	Tâm ảnh hưởng, uy tín của sản phẩm đối với xã hội trong lĩnh vực ATTP	Đạt các giải thưởng đảm bảo chất lượng ATTP do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trao tặng; Các giấy khen, bằng khen được các cấp công nhận.	- Đạt 1 giải thưởng được 2 điểm. - Đạt 1 bằng khen được 1 điểm. - Đạt 240 giấy khen được 1 điểm. - Doanh nghiệp, HTX, hộ, cơ sở có sáng kiến sáng tạo được thành phố công nhận hoặc sáng chế giải pháp hữu ích, sản phẩm được Cục sở hữu trí tuệ cấp bằng hoặc công nhận, bảo hộ sản phẩm được 1 điểm.	5	
	Tổng			100	

*** Phân loại:**

- Loại xuất sắc: 100 - \geq 100 % điểm
- Loại A tốt: 90 - < 100 % điểm
- Loại B khá: 70 - 89 % điểm
- Loại C trung bình: 50 - < 70 % điểm

*** Xếp loại theo tổng số % điểm đạt : _____**